UBND TỈNH QUẢNG NGÃI **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3875/KL-SNNPTNT	*Quảng Ngãi, ngày 31 tháng 10 năm 2022*

KẾT LUẬN THANH TRA
Trách nhiệm thủ trưởng trong việc thực hiện một số nhiệm vụ được giao tại Chi cục Thủy sản

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15/11/2010;

Xét Báo cáo số 94/BC-TTr ngày 21/10/2022 của Trưởng Đoàn Thanh tra theo Quyết định số 447/QĐ-SNNPTNT ngày 28/7/2022 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT về thanh tra trách nhiệm thủ trưởng trong việc thực hiện một số nhiệm vụ được giao tại Chi cục Thủy sản, Giám đốc Sở kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH:

- Chi cục Thủy sản được thành lập trên cơ sở tổ chức lại Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản và Phòng Nuôi trồng thủy sản, là đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Ngãi; với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 14/3/2016 của UBND tỉnh về ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy của Chi cục.

- Tổ chức, bộ máy Chi cục hiện gồm:

+ Lãnh đạo Chi cục: Chi cục trưởng và 2 Phó Chi cục trưởng.

+ 03 phòng chuyên môn thuộc Chi cục: (1) Phòng Hành chính - Tổng hợp; (2) Phòng Kiểm ngư và Thanh tra chuyên ngành (được thành lập trên cơ sở tổ chức lại Phòng Thanh tra - Pháp chế); (3) Phòng Nghiệp vụ (được thành lập trên cơ sở hợp nhất 3 phòng chuyên môn: Phòng Tàu cá - Cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá, Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản, Phòng Nuôi trồng thủy sản). Với số biên chế công chức được giao là 20 người.

+ Trung tâm đăng kiểm tàu cá: gồm Giám đốc, 01 Phó Giám đốc, 2 phòng (Phòng Hành chính -Tổng hợp; Phòng Kỹ thuật tàu cá). Với số người hiện có là 14 người gồm: 3 viên chức (01 đăng kiểm viên hạng I; 2 đăng kiểm viên hạng II) và 11 hợp đồng lao động (2 đăng kiểm viên hạng III, 6 đăng kiểm viên hạng II).

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA XÁC MINH VÀ KẾT LUẬN CÁC NỘI DUNG THANH TRA:

1. Việc rà soát, tổng hợp số liệu tàu cá, cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu nghề cá Quốc gia (VNFishbase)

Thực hiện chỉ đạo của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Công văn số 756/SNNPTNT-VP ngày 28/3/2019 về việc cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ

liệu quốc gia về thủy sản, đến nay Chi cục Thủy sản đã thực hiện cập nhật toàn bộ số liệu và thông tin tàu cá của tỉnh đã được đăng ký vào hệ thống cơ sở dữ liệu nghề cá Quốc gia (VNFishbase). Nguồn cơ sở dữ liệu ban đầu lấy từ số liệu thống kê từ trước năm 2019 và tiếp tục được cập nhật đến nay.

Kết quả cập nhật (tính đến 30/9/2022):

Tổng số tàu cá đã cập nhật vào VNFishbase: 4.553 chiếc, trong đó:

Phân theo nghề: Nghề lưới kéo: 1.345 chiếc
Nghề lưới vây: 633 chiếc
Nghề lưới rê: 1.075 chiếc
Nghề câu: 1.158 chiếc
Nghề khác: 342 chiếc

Phân theo chiều dài tàu (Lmax):
Từ 6 đến dưới 12m: 365 chiếc
Từ 12 đến dưới 15m: 969 chiếc
Từ 15m trở lên: 3.219 chiếc

Đến nay, số liệu tàu cá đã được đăng ký, đăng kiểm, cấp giấy phép khai thác của tỉnh cơ bản đã cập nhật đầy đủ thông tin vào VNFishbase để phục vụ công tác quản lý của các cơ quan liên quan và phục vụ theo dõi tàu cá vi phạm IUU.

Tuy nhiên, theo cảnh báo thông tin hiển thị trên VNFishbase tại thời điểm 30/9/2022 cho thấy:

- Số giấy phép đã hết hạn là 1.064 chiếc (trong khi Chi cục đã thực hiện cấp đổi giấy phép từ ngày 05 tháng 7 năm 2019). Trong đó:

+ Phân theo chiều dài: Số tàu từ 6m đến dưới 12m: 157 chiếc, từ 12 dến dưới 15m: 592 chiếc, từ 15m trở lên: 315 chiếc.

+ Phân theo nghề: Nghề lưới kéo: 339 chiếc, nghề lưới vây: 191 chiếc, nghề lưới rê: 211 chiếc, nghề câu: 210 chiếc, nghề khác: 113 chiếc.

- Số tàu đã hết hạn giấy phép nhưng có thực hiện kiểm tra ATKT tàu cá tại Trung tâm Đăng kiểm tàu cá Quảng Ngãi năm 2021, 2022 là 34 chiếc.

- Số tàu chưa cấp phép: 40 chiếc

Nguyên nhân:

+ Trước khi cập nhật, Chi cục chưa thực hiện việc rà soát thống kê lại số tàu còn tồn tại thực tế mà chủ yếu là cập nhật dựa theo nguồn dữ liệu sẵn có từ trước, đồng thời công tác rà soát những tàu cá không còn khả năng hoạt động (hư hỏng, cháy, chìm, giải bản, bán tỉnh khác,…) còn chậm, chưa kịp thời.[1]

+ Chủ tàu không chủ động thực hiện thủ tục xóa đăng ký.

2. Việc cấp đổi lại Giấy xác nhận đã đăng ký tàu cá (do UBND huyện cấp trước đây) thành Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá và cấp Giấy phép khai thác thủy sản theo quy định đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét trở lên

[1] Công văn 5567/BNN-TCTS ngày 05/8/2019 về việc triển khai sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia (VNFishbase)

Ngày 06/01/2021, Chi cục đã tham mưu cho Sở ban hành Công văn số 24/SNNPTNT-TS về hướng dẫn thực hiện TTHC cấp, cấp lại các loại giấy tờ cho tàu cá có tổng công suất máy chính dưới 20CV trên địa bàn tỉnh; Theo đó, Chi cục đã phối hợp với UBND các huyện, thành phố: Mộ Đức, Bình Sơn, Lý Sơn, thị xã Đức Phổ, thành phố Quảng Ngãi tổ chức kiểm tra thực tế lưu động tại các địa phương về các thông số kỹ thuật của tàu trước khi cấp, cấp lại các loại giấy tờ cho tàu cá. Đồng thời, hướng dẫn chủ tàu thực hiện thủ tục cấp, cấp lại các loại giấy tờ cho tàu cá.

Kết quả: đã cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký tàu cá và cấp giấy phép KTTS cho 162 tàu cá. Tuy nhiên, đến nay vẫn còn nhiều tàu cá không thực hiện cấp đổi đăng ký, cấp đổi giấy phép khai thác thủy sản theo qui định của Luật Thủy sản, né tránh việc kiểm tra, kiểm soát của lực lượng Biên phòng (chủ yếu là tàu cá có công suất nhỏ, hoạt động nghề khai thác gần bờ ở các bãi ngang).

3. Việc tổ chức thực hiện quy định đánh dấu tàu cá

Thời gian qua, Chi cục đã tích cực tuyên truyền, đồng thời tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy định về đánh dấu tàu cá thông qua công tác kiểm tra cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá.

- Kết quả kiểm tra đánh dấu tàu cá:

Năm 2020: 2.437 tàu Năm 2021: 2.546 tàu.

Riêng đối với số tàu cá nằm bờ nhiều năm không đăng kiểm, tàu hoạt động đánh bắt ngoài tỉnh nhiều năm không về, tàu có chiều dài lớn nhất từ 6 mét đến dưới 12 mét không thuộc diện đăng kiểm nên việc kiểm tra đánh dấu tàu cá chưa được Chi cục kiểm tra.

4. Việc thực hiện Quy chế quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu của hệ thống giám sát hành trình tàu cá trên địa bàn tỉnh:

4.1. Về lắp đặt thiết bị giám sát hành trình (GSHT):

Chi cục đã tham mưu cho Sở, UBND tỉnh chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc triển khai thực hiện việc lắp đặt thiết bị giám sát hành trình cho tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên[2].

Theo báo cáo của Chi cục, tính đến thời điểm 30/9/2022, toàn tỉnh có 3.219 tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên thuộc diện phải lắp đặt thiết bị giám sát hành trình (GSHT).

Số lượng tàu cá đã lắp đặt thiết bị GSHT là: 2.936 tàu (đạt tỉ lệ 91,2%).

Số lượng tàu cá chưa lắp đặt thiết bị giám sát hành trình là: 283 tàu (tỉ lệ 8,8%)

Như vậy, tính đến thời điểm 30/9/2022, công tác lắp đặt thiết bị GSHT cho các

[2] Công văn số 571/SNPTNT-TS ngày 08/3/2021 về việc phối hợp thực hiện các giải pháp chống khai thác IUU và tăng cường triển khai việc giám sát hành trình tàu cá qua thiết bị VMS;
Công văn số 2138/UBND-KTN ngày 09/5/2022 về việc khẩn trương hoàn thành việc lắp đặt thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá chiều dài từ 15m trở lên; chỉ đạo các đơn vị thực hiện, thời gian hoàn thành đến 30/7/2022.

tàu cá thuộc diện phải lắp đặt vẫn chưa hoàn thành, chưa đúng theo lộ trình được quy định tại Điểm e, Khoản 3, Điều 44, Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

4.2. Hậu kiểm việc lắp đặt thiết bị giám sát hành trình:

Việc thực hiện kiểm tra lắp đặt thiết bị giám sát hành trình tàu cá được Chi cục trưởng giao nhiệm vụ cho phòng Nghiệp vụ, Trung tâm Đăng kiểm tàu cá, Phòng Kiểm ngư và Thanh tra chuyên ngành thực hiện[3].

- Nội dung kiểm tra:

Kiểm tra vị trí lắp đặt, số chì và tình trạng niêm phong kẹp chì, tình trạng hoạt động của thiết bị.

- Kết quả kiểm tra:

+ Năm 2020: Kiểm tra được 342/2.638 tàu cá được lắp đặt thiết bị GSHT (đạt tỷ lệ 12,96%), trong đó: Trung tâm Đăng kiểm tàu cá đã thực hiện kiểm tra 219 tàu trong tổng số 2.372 tàu có Lmax ≥ 15m được kiểm tra an toàn kỹ thuật (tỷ lệ 9,2%), Chi cục Thủy sản đã thực hiện kiểm tra 123 trong tổng số 1.592 tàu được kiểm tra điều kiện ATTP (tỷ lệ 7,7%).

Chưa phát hiện tàu cá nào vi phạm.

+ Năm 2021: Kiểm tra được 344/2.790 tàu cá được lắp đặt thiết bị GSHT (đạt tỷ lệ 12,32%), trong đó: Trung tâm Đăng kiểm tàu cá đã thực hiện kiểm tra 108 tàu trong tổng số 2.452 tàu có Lmax ≥ 15m được kiểm tra an toàn kỹ thuật (tỷ lệ 4,4%), Chi cục Thủy sản đã thực hiện kiểm tra 236 tàu trong tổng số 1.529 tàu được kiểm tra điều kiện ATTP (tỷ lệ 15,4%).

Đã phát hiện 32 tàu cá đứt dây chì hoặc không còn chì do bị mục đứt, lập biên bản và yêu cầu chủ tàu liên hệ với đơn vị cung cấp kẹp chì thiết bị theo quy định, đồng thời gửi danh sách tàu cá đứt dây chì hoặc không còn chì do bị mục đứt cho Ban Quản lý cảng cá kiểm tra trước khi xuất bến.

Nhìn chung, công tác hậu kiểm lắp đặt thiết bị GSHT trên tàu cá được Chi cục quan tâm triển khai thực hiện kết hợp với công tác đăng kiểm tàu cá hoặc công tác kiểm tra an toàn thực phẩm trên tàu cá. Tuy nhiên, qua kiểm tra cho thấy tỷ lệ số tàu hậu kiểm lắp đặt thiết bị giám sát hành trình còn thấp so với tổng số tàu đã được đăng kiểm và kiểm tra điều kiện an toàn thực phẩm.

4.3. Công tác theo dõi, vận hành hệ thống giám sát tàu cá:

Thông qua theo dõi phần mềm của hệ thống giám sát tàu cá:

Năm 2020: Chi cục đã phát hiện 771 tàu cá mất kết nối trên biển trên 10 ngày và 643 tàu cá vượt ranh giới cho phép trên biển.

Năm 2021: phát hiện 832 tàu mất kết nối trên 10 ngày và 163 tàu cá vượt ranh giới cho phép trên biển.

---

[3] Công văn số 838/CCTS ngày 19/10/2021 của Chi cục Thủy sản về việc tăng cường kiểm tra việc lắp đặt, kẹp chì, duy trì hoạt động thiết bị giám sát hành trình tàu cá.

09 tháng năm 2022: phát hiện 481 tàu cá mất kết nối trên biển trên 10 ngày và 254 tàu cá vượt ranh giới cho phép trên biển.

Kết quả xử lý:

+ Năm 2020: Đã mời 118/1.414 chủ tàu cá mất kết nối và vượt ranh giới trên biển và lập biên bản nhắc nhở không tái phạm (tỷ lệ 8,34%); xử phạt 01 chủ tàu mất kết nối trên 10 ngày trên biển với số tiền 25 triệu đồng và 01 chủ tàu tự tháo thiết bị nhưng không báo với đơn vị cung cấp với số tiền 05 triệu đồng.

+ Năm 2021: Đã mời 112/995 chủ tàu cá mất kết nối và vượt ranh giới trên biển đã lập biên bản nhắc nhở không tái phạm (tỷ lệ 11,25%).

+ 9 tháng năm 2022: Đã mời 47/735 chủ tàu cá mất kết nối và vượt ranh giới trên biển đã lập biên bản nhắc nhở không tái phạm (tỷ lệ 6,39%).

Ngoài ra, các Đồn Biên phòng đã tích cực và chủ động xử lý; cụ thể năm 2020, 2021 các Đồn Biên phòng đã xử lý khoảng 30 trường hợp tàu mất kết nối và xử phạt khoảng 750 triệu đồng; xử lý 01 tàu vượt ranh giới cho phép trên biển với số tiền 927 triệu đồng; Năm 2022 đã xử lý 38 trường hợp/37 chủ tàu với số tiền là 476,5 triệu đồng.

Thực hiện Quyết định số 1698/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy trình tiếp nhận, xử lý thông tin của tàu cá tỉnh Quảng Ngãi mất tín hiệu kết nối thiết bị giám sát hành trình, vượt ranh giới cho phép trên biển; Chi cục Thủy sản đã phân công cán bộ thường xuyên trực hệ thống giám sát tàu cá để xử lý các vấn đề nêu trên, đồng thời phát hiện và liên hệ với các tàu gần ranh giới, vượt ranh giới và mất kết nối triên biển; trích xuất dữ liệu các tàu mất kết nối trên 10 ngày trên biển và vượt ranh giới cho phép trên biển; hàng tháng tổng hợp gửi đến UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển; các đồn, trạm kiểm soát Biên phòng, các Cảng cảng trong tỉnh để biết và xử lý hoặc phối hợp xử lý khi tàu về bờ.

Tuy nhiên, qua kết quả xử lý tàu cá mất kết nối và vượt ranh giới trên biển trong năm 2020, 2021 cho thấy tỷ lệ xử lý các trường hợp vi phạm còn rất thấp (dưới 10%), việc kiểm tra, giám sát, xử lý các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính liên quan đến thiết bị giám sát hành trình còn thiếu kiên quyết.

5. Việc cấp giấy phép khai thác thủy sản các trường hợp tàu cá chuyển nghề, bổ sung nghề, việc quản lý, công khai, thực hiện hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản

5.1. Việc cấp giấy phép khai thác thủy sản các trường hợp tàu cá chuyển nghề, bổ sung nghề

Việc cấp giấy phép khai thác thủy sản các trường hợp tàu cá chuyển nghề, bổ sung nghề được Chi cục thực hiện cơ bản đảm bảo trình tự thủ tục, thời hạn trả hồ sơ kết quả giải quyết đúng thời gian qui định.

- Số lượng tàu cá chuyển nghề được cấp giấy phép khai thác thủy sản là 87 tàu, chủ yếu là từ nghề lưới kéo chuyển sang nghề câu, trong đó:

+ Năm 2020: 42 tàu Năm 2021: 45 tàu

- Số tàu cá thực hiện kiêm nghề được cấp giấy phép khai thác thủy sản là 74 tàu, chủ yếu là xin kiêm nghề (câu kiêm rê, vây kiêm câu), trong đó:

+ Năm 2020: 58 tàu được cấp Giấy phép khai thác thủy sản

+ Năm 2021: 16 tàu được cấp Giấy phép khai thác thủy sản

5.2. Việc quản lý, thực hiện hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản

- Vùng khơi:

Theo Quyết định số 1481/QĐ-BNN-TCTS ngày 02/5/2019, Quyết định số 1223/QĐ-BNN-TCTS ngày 23/3/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì tỉnh Quảng Ngãi được cấp hạn ngạch giấy phép KTTS như sau:

TT	Quyết định cấp hạn ngạch	Giấy phép cho tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản						GP cho tàu hậu cần đánh bắt NLTS	Tổng cộng
		Nghề lưới kéo	Nghề lưới vây	Nghề lưới rê	Nghề câu	Nghề chụp	Nghề khác		
1	1481/QĐ-BNN-TCTS ngày 02/5/2019	1.411	380	729	640	7	96	75	3.338
2	1223/QĐ-BNN-TCTS ngày 23/3/2021	1.309	380	747	730	14	126	49	3.355
Tăng (giảm) hạn ngạch		(-102)	0	18	90	7	30	(- 26)	17

- Vùng lộng, ven bờ:

Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 05/7/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc công bố hạn ngạch Giấy phép khai thác thủy sản trên biển như sau:

TT	Vùng	Giấy phép cho tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản						Giấy phép cho tàu hậu cần đánh bắt NLTS	Tổng cộng
		Nghề lưới kéo	Nghề lưới vây	Nghề lưới rê	Nghề câu	Nghề chụp	Nghề khác		
2	Vùng lộng	284	228	246	300	1	108	57	1.224
3	Vùng ven bờ	0	53	547	77		225	10	912

- Kết quả đã thực hiện cấp giấy phép khai thác thủy sản so với hạn ngạch được công bố theo nhóm nghề khai thác:

TT	Vùng	Giấy phép cho tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản						Giấy phép cho tàu hậu cần đánh bắt NLTS	Tổng cộng
		Nghề lưới kéo	Nghề lưới vây	Nghề lưới rê	Nghề câu	Nghề chụp	Nghề khác		
1	Vùng khơi	866/1.309	326/380	700/747	845/730	11/14	113/126	21/49	2.882/3.355 (HN còn 473)
2	Vùng lộng	136/284	95/228	28/246	46/300	7/1	42/108	10/57	364/1.224 (HN còn 860)
3	Vùng ven bờ	0	12/53	133/547	43/77		5/225	10/10	203/912 (HN còn 709)
Tổng cộng		1.002/1.593	433/661	861/1.540	934/1.107	18/15	160/459	41/116	3.449/5.491
Số hạn ngạch còn lại		591	228	679	173	(-3)	299	75	2.042

Tính đến 30/9/2022, vẫn còn 2.042 hạn ngạch giấy phép (vùng khơi còn 473 giấy phép, vùng lộng còn 860 giấy phép, vùng ven bờ còn 709 giấy phép).

Nguyên nhân: Tại thời điểm tham mưu đề nghị trình xin cấp hạn ngạch Giấy phép KTTS (năm 2019), đơn vị chưa rà soát cập nhật lại số liệu tàu cá còn tồn tại trên thực tế, dẫn đến số lượng đề nghị cấp hạn ngạch giấy phép tăng. Bên cạnh đó, tình trạng nhiều chủ tàu không thực hiện đăng kiểm tàu cá, không liên hệ làm thủ tục đề nghị cấp đổi giấy phép KTTS nên hạn ngạch giấy phép KTTS vẫn còn nhiều.

6. Việc theo dõi, quản lý, trích xuất tin nhắn tàu cá tại Chi cục Thủy sản:

- Hiện tại, Chi cục Thủy sản đang quản lý 02 Trạm bờ Thông tin liên lạc *(Trạm Quảng Ngãi 01 đặt tại Chi cục Thủy sản và Trạm Quảng Ngãi 02 đặt tại Chi cục Thủy Lợi)* với 8 tần số (Mhz): 8078, 7133, 7109, 7130, 7157, 8075, 7160 và 8072 nhằm đáp ứng tiếp nhận và báo cáo vị trí tàu cá trong tỉnh, ngoài tỉnh khai thác thủy sản ở các vùng biển xa gửi về. Chi cục Thủy sản cử 01 cán bộ trực Trạm bờ để quản lý, theo dõi, trích xuất tin nhắn các tàu cá và kịp thời phát hiện Trạm bờ bị sự cố để đề xuất hướng khắc phục. Ngoài ra, Chi cục Thủy sản phối hợp với Công ty cổ phần thiết bị hàng hải - MECOM tổ chức kiểm tra chi tiết các hạng mục, thiết bị của 02 Trạm bờ để có kế hoạch bảo dưỡng định kỳ theo quy định.

- Hàng năm Chi cục tiếp nhận và báo cáo vị trí trên 1.600 tàu cá của tỉnh khai thác thủy sản ở các vùng biển xa gửi về, làm căn cứ xác định thời gian và vị trí tàu cá hoạt động trên các vùng biển xa.

7. Việc kiểm tra cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với tàu cá

Trong 2 năm 2020 và 2021, Chi cục Thủy sản đã thẩm định và cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm cho 2.827/3.219 chiếc tàu có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên. Tất cả các cơ sở đều được đánh giá, xếp loại B.

- Năm 2020: Thực hiện kiểm tra và cấp mới 1.592 Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- Năm 2021: Thực hiện kiểm tra và cấp 1.529 Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Trong đó: Cấp mới 355 chiếc; thẩm định đánh giá định kỳ: 1.174 chiếc; cấp lại 68 chiếc.

Về cơ bản trình tự, thủ tục giải quyết thủ tục hành chính cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với tàu cá được Chi cục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

Tuy nhiên, qua kiểm tra hồ sơ cho thấy: các Bản thuyết minh điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tàu cá ghi thiếu thông tin, không chặt chẽ (phần thông tin chung, mô tả về sản phẩm, hiện trạng điều kiện tàu cá).

8. Việc cấp giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác

Việc cấp Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác được Chi cục thực hiện cơ bản đảm bảo trình tự thủ tục, thời hạn trả hồ sơ kết quả giải quyết đúng thời gian qui định.

- Số lượng Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác và khối lượng sản phẩm đề nghị chứng nhận nguồn gốc Chi cục Thủy sản đã cấp:

TT	Nội dung	Năm 2020	Năm 2021
I	Tổng số Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản	145	134
II	Tổng khối lượng sản phẩm đề nghị chứng nhận nguồn gốc (kg)	1.943.474	2.286.632,3
1	Cá chuồn	885.390	1.028.236,4
2	Cá cờ gòn	25.652,5	72.551,7
3	Cá cờ kiếm	46.395,3	42.659,2
4	Cá dũa	128.299,9	195.745,1
5	Cá ngừ vây vàng	59.428,3	103.415,9
6	Cá ngừ bò	231.296,2	-
7	Cá ngừ mắt to	2.348	94.037
8	Cá ngừ sọc dưa	524.796,8	625.571,5
9	Cá ngư vây dài	14.577	113.597,5
10	Mực	25.290	10.818

9. Công tác thanh tra chuyên ngành, công tác xử lý vi phạm hành chính

9.1. Kế hoạch thanh tra:

- Số cuộc thanh tra được duyệt

Năm 2020: 04 cuộc (Quyết định 832/QĐ-SNNPTNT ngày 02/12/2019)

Năm 2021: 04 cuộc (Quyết định 751/QĐ-SNNPTNT ngày 17/12/2020)

- Số cuộc thanh tra điều chỉnh giảm:

Năm 2020: 02 cuộc (Quyết định số 277/QĐ-SNNPTNT ngày 23/6/2020, Quyết định số 477/QĐ-SNNPTNT ngày 01/9/2020)

Năm 2021: 01 cuộc (Quyết định 454/QĐ-SNNPTNT ngày 09/9/2021)

9.2. Kết quả thanh tra:

- Số cuộc thanh tra đã thực hiện:

Năm 2020: 02 cuộc Năm 2021: 03 cuộc

- Số tổ chức, cá nhân được thanh tra:

Năm 2020: 72 Năm 2021: 28

Ngoài ra, trong thực hiện nhiệm vụ thường xuyên được giao, phát hiện có 2 trường hợp vi phạm Nghị định 42/2019/NĐ-CP ngày 16/5/2019 của Chính phủ, Chi cục lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính tổng số tiền 30 triệu đồng (01 trường hợp xử phạt 25 triệu đồng và tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề thuyền trưởng thời gian 4 tháng; 01 trường hợp xử phạt 05 triệu đồng)

Nhìn chung, thời gian qua, Chi cục đã triển khai công tác thanh tra đảm bảo trình tự thủ tục qui định. Tuy nhiên, qua kiểm tra hồ sơ cho thấy nội dung ghi chép trong biên bản thanh tra còn chung chung, thiếu cụ thể, chi tiết.

10. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo

10.1. Việc ban hành nội quy, quy chế, lịch tiếp công dân; bố trí trụ sở tiếp công dân và niêm yết nội quy, quy chế, lịch tiếp công dân.

Chi cục Thủy sản đã ban hành nội quy, quy chế tiếp công dân (Quyết định số 748/QĐ-CCTS ngày 12/12/2017; Quyết định số 1783/QĐ-CCTS ngày 02/6/2020; Quyết định số 02/QĐ-CCTS ngày 03/12/2017).

Phân công công chức tiếp công dân (Thông báo 03/TB-CCTS ngày 3/01/2020)

Phòng tiếp công dân được bố trí chung với phòng Kiểm ngư và Thanh tra chuyên ngành của Chi cục Thủy sản

Đã ban hành lịch tiếp công dân định kỳ đúng, đủ theo quy định; lịch tiếp công dân được niêm yết tại Bảng tin của Chi cục để công dân biết và liên hệ công tác.

10.2. Việc thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân

- Hàng tháng, Chi cục Thủy Sản có Thông báo Lịch tiếp công dân định kỳ, thời gian tiếp công dân vào ngày 25 hàng tháng;

- Chi cục trưởng trực tiếp thực hiện tiếp công dân, Phòng Kiểm ngư- Thanh tra chuyên ngành chịu trách nhiệm tham mưu giúp Lãnh đạo Chi cục thực hiện công tác tiếp công dân, phân công công chức trực tiếp theo dõi, tổng hợp báo cáo.

Trong năm 2020 và 2021, công dân đến Chi cục Thủy sản chủ yếu là để thực hiện thủ tục hành chính công và đã được Chi cục giải quyết kịp thời theo quy định.

10.3. Về xử lý, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

Năm 2020, 2021 Chi cục Thủy sản đã tiếp nhận, giải quyết 03 đơn khiếu nại của công dân, sau khi trả lời cho công dân đến nay các công dân không có đơn thư tiếp tục phát sinh.

Tuy nhiên, qua kiểm tra cho thấy đơn vị chưa mở sổ theo dõi, cập nhật việc tiếp nhận, xử lý giải quyết đơn thư theo quy định.

11. Về công tác phòng, chống tham nhũng

11.1. Việc ban hành kế hoạch phòng, chống tham nhũng hàng năm

Hàng năm Chi cục đã ban hành Kế hoạch PCTN đầy đủ. Cụ thể:

- Năm 2020: Ban hành Kế hoạch số 913/KH-CCTS ngày 28/02/2020.
- Năm 2021: Ban hành Kế hoạch số 63/KH-CCTS ngày 26/01/2021.

Tuy nhiên, công tác tự kiểm tra, giám sát nội bộ theo kế hoạch phòng chống tham nhũng đã ban hành chưa thực hiện đầy đủ và thường xuyên.

11.2. Về phân công nhiệm vụ:

- Phòng Kiểm ngư và Thanh tra chuyên ngành theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch, tổng hợp kết quả thực hiện hàng quý, 6 tháng, 9 tháng và năm; tham mưa báo cáo định kỳ cho cấp trên.
- Phòng Hành chính - Tổng hợp: Rà soát, xây dựng, ban hành quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp của Chi cục để làm cơ sở thực hiện và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện định kỳ 6 tháng và 01 năm.

11.3. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng, ngừa tham nhũng

a. Về công khai, minh bạch trong hoạt động tài chính, ngân sách:

- Công khai dự toán, quyết toán ngân sách:

+ Năm 2020:

Đã công khai dự toán (Quyết định số 258/QĐ-CCTS ngày 22/01/2020)

Đã công khai quyết toán (Quyết định số 413/QĐ-CCTS ngày 04/6/2021).

+ Năm 2021:

Đã công khai dự toán (Quyết định số 74/QĐ-CCTS ngày 28/01/2021)

Đã công khai quyết toán (Quyết định số 675/QĐ-CCTS ngày 30/6/2022).

- Hình thức công khai: Niêm yết tại trụ sở Chi cục.

b. Việc công khai minh bạch trong việc mua sắm công và chi thường xuyên:

- Đối với mua sắm công: Trong 02 năm 2020, 2021, Chi cục không thực hiện mua sắm công.

- Đối với chi thường xuyên: Năm 2020, 2021: Chi cục có mua 01 máy Photo theo hình thức mua sắm tập trung; Mua 04 bộ vi tính và 01 Tivi 65 inch để thực hiện nhiệm vụ chống khai thác IUU (theo Quyết định 1344/QĐ-UBND ngày 11/9/2020 của UBND tỉnh).

c. Công khai, minh bạch trong công tác bổ nhiệm; bổ nhiệm lại:

Trong 02 năm 2020-2021 đã thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cho 10 công chức, viên chức. Trong đó: năm 2020: Có 02 trường hợp (bổ nhiệm: 01 người; bổ nhiệm lại: 01 người); Năm 2021: Có 06 trường hợp (bổ nhiệm: 04 người; bổ nhiệm lại: 02 người)

d. Công khai việc chuyển đổi vị trí công tác của công chức:

- Năm 2020: Không có.

- Năm 2021: Thực hiện Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 1/8/2021của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc sắp xếp tổ chức bộ máy của Chi cục thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đơn vị đã sáp nhập thành 03 phòng làm việc là: Phòng nghiệp vụ, Phòng Kiểm ngư và Thanh tra chuyên ngành và phòng Hành chính - Tổng hợp.

11.4. Việc thực hiện các kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, các quyết định xử lý và việc chấp hành chỉ đạo của cấp trên

- Tại thời điểm thanh tra, Chi cục thực hiện chưa triệt để nội dung Kết luận thanh tra số 676/KL-SNNPTNT ngày 20/3/2020 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT về Kết luận thanh tra đột xuất việc thực hiện công tác đăng kiểm tàu cá, cấp giấy phép khai thác thủy sản tại Chi cục Thủy sản (điểm 5 mục I phần C).

- Đối với Kết luận thanh tra số 01/KL-TTT ngày 22/01/2019 của Chánh Thanh tra tỉnh Quảng Ngãi về thanh tra trách nhiệm việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đến nay Chi cục đã thực hiện xong.

11.5. Việc thực hiện quy định về công khai minh bạch tài sản, thu nhập:

Năm 2020: Số người phải kê khai tài sản, thu nhập lần đầu, bổ sung, phục vụ công tác cán bộ: 20 người, số người đã kê khai tài sản, thu nhập trong năm: 20 người (tỷ lệ 100%).

Năm 2021: Số người phải kê khai tài sản, thu nhập lần đầu, bổ sung, phục vụ công tác cán bộ: 12 người, số người đã kê khai tài sản, thu nhập trong năm: 12 người (tỷ lệ 100%).

12. Về xác định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan đến các khuyết điểm, tồn tại nêu trên:

12.1. Về trách nhiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành đơn vị để xảy ra các khuyết điểm, tồn tại nêu trên:

- Trách nhiệm trước hết thuộc về người đứng đầu đơn vị: chưa thường xuyên đôn đốc, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ được giao tại đơn vị mình để kịp thời chấn chỉnh, chưa có giải pháp hữu hiệu để khắc phục triệt để các tồn tại. Cụ thể:

+ Từ ngày 01/01/2020 đến 24/5/2020: ông Phùng Đình Toàn - Phó Chi cục trưởng, phụ trách Chi cục Thủy sản.

+ Từ 25/5/2020 đến nay: ông Nguyễn Văn Mười - Chi cục trưởng Chi cục Thủy sản.

- Ngoài ra, chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành đơn vị liên quan đến lĩnh vực được giao trực tiếp phụ trách là bà Đỗ Thị Thu Đông - Phó Chi cục trưởng.

12.2. Về trách nhiệm cụ thể:

- Ông Tạ Công Cuộc - Giám đốc Trung tâm Đăng Kiểm
- Ông Tạ Ngọc Thi - Trưởng phòng Nghiệp vụ
- Ông Nguyễn Minh Tú - Trưởng phòng Kiểm ngư và Thanh tra chuyên ngành

Và các công chức, viên chức có liên quan

(Trách nhiệm cụ thể có phụ lục số 02 kèm theo)

III. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ ĐÃ ÁP DỤNG: Không

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ:

1. Yêu cầu Chi cục trưởng Chi cục Thủy sản:

1.1. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực thủy sản trên địa bàn tỉnh, trước hết chấn chỉnh, chỉ đạo khắc phục kịp thời các khuyết điểm, tồn tại của Chi cục nêu trong Kết luận thanh tra.

1.2. Tổ chức rà soát cụ thể các trường hợp tàu cá đã hết hạn giấy phép và chưa được cấp giấy phép khai thác thủy sản trên Hệ thống cơ sở dữ liệu nghề cá Quốc gia (VNFishbase), tham mưu Giám đốc Sở kịp thời chỉ đạo các biện pháp quản lý chặt chẽ số lượng tàu cá, đảm bảo tàu cá còn hoạt động phải có giấy phép khai thác thủy sản, tàu cá không còn tồn tại trên thực tế phải được xóa đăng ký hoặc xóa tên tàu trong Sổ đăng ký tàu cá quốc gia, đưa ra khỏi VNFishbase .

Trong quá trình rà soát, đề xuất xử lý nếu có vướng mắc, yêu cầu Chi cục tham mưu văn bản cho Sở đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện.

Thời hạn hoàn thành chậm nhất đến **30/6/2023**.

1.3. Tham mưu giải pháp tiếp tục thực hiện quản lý nhà nước đối với số tàu cá do huyện bàn giao (rà soát lại số tàu cá do huyện quản lý trước đây nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện cấp đổi các loại giấy tờ, đề xuất giải pháp thực hiện quản lý đối với số tàu này).

Thời hạn hoàn thành chậm nhất đến **31/3/2023**.

1.4. Rà soát tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh chỉ đạo quản lý phát triển đội tàu cá đảm bảo phù hợp với định hướng mục tiêu phát triển khai thác thủy sản theo Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Chương

trình phát triển thủy sản tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

Thời hạn hoàn thành chậm nhất đến **31/3/2023**.

1.5. Tổ chức kiểm điểm làm rõ trách nhiệm công chức, viên chức có liên quan đến những khuyết điểm, tồn tại của Chi cục được nêu trong Kết luận thanh tra. Ban hành kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện Kết luận thanh tra; Tổ chức niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở trong 15 ngày liên tục. Sau 30 ngày kể từ ngày nhận được Kết luận này phải báo cáo kết quả thực hiện *(kèm theo tài liệu, chứng cứ chứng minh)* cho Giám đốc Sở, đồng thời gửi cho Thanh tra Sở để theo dõi, đôn đốc theo quy định.

2. Giao Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ Sở tham mưu cho Giám đốc Sở tổ chức kiểm điểm làm rõ trách nhiệm của Lãnh đạo Chi cục Thủy sản đối với các khuyết điểm, tồn tại thuộc trách nhiệm của người đứng đầu.

3. Giao Chánh Thanh tra Sở theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kết luận thanh tra theo quy định./.

Nơi nhận:
- Thanh tra tỉnh;
- Chi cục Thủy sản;
- GĐ Sở;
- P. TC-CB Sở;
- Chánh Thanh tra Sở;
- Lưu: HSTTr.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH QUẢNG NGÃI

Hồ Trọng Phương